

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN

Số: 3058/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bim Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:
Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến đê tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BÌM SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Chính Quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục chủ trương đầu tư các công trình từ nguồn vốn an toàn hồ đập và xử lý đê địa phương năm 2017-2018;

Xét Tờ trình số 187/TTr-QLDA ngày 16/8/2017 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến đê tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn;

Theo đề nghị của trưởng phòng Quản lý đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến đê tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến đê tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn.

2. Chủ đầu tư: UBND thị xã Bim Sơn.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng. Số 58 đường Cửa Hữu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư, cải tạo nâng cấp tuyến đê tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão,



phòng tránh các thiệt hại do thiên tai bão lụt gây ra, đồng thời kết hợp nâng cấp mặt đê làm đường giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho công tác duy tu bảo trì đê, cũng như thuận lợi cho công tác sản xuất phát triển nông nghiệp của khu vực.

5. Nội dung, quy mô đầu tư và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến đê cải tạo: $L=640\text{m}$. Có điểm đầu tuyến Km 0+00 giao với đường Bim Sơn đi Nga Sơn. Cao trình đỉnh đê: $+4.5\text{m}$. Chiều rộng nền đê: $B_{\text{nền}}=8.0\text{m}$. Chiều rộng mặt đê $B_{\text{mặt}}=5.0\text{m}$. Mái đê phía sông: $M_s=-2.0\text{m}$. Mái đê phía đồng $M_d=2.0\text{m}$. Độ dốc ngang mặt đê: $i=2\%$;

5.2. Các giải pháp kỹ thuật:

- Kết cấu thân đê:

+ Nền đê đắp đất lu lèn chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hệ số đầm chặt $K=0,95$. Mặt đê bằng bê tông mác 300 dày 20cm, 01 lớp ni long tái sinh, cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

+ Theo chiều dài tuyến đường cứ 3,5m cắt 1 khe co với chiều sâu 7.0cm và 35m bố trí khe giãn.

+ Trên phần đỉnh ta luy đê thiết kế gờ chắn bánh (Trừ vị trí có nhà dân).

- Mái đê: Mái phía sông chủ yếu là trồng cỏ chống xói, riêng đoạn từ cọc 1 đến cọc 4+17.22m và đoạn từ cọc 21 đến cọc 24+3.16m, mái đê được gia cố bằng cấu kiện bê tông mác 250, kích thước (40x40x16)cm, phía dưới có lớp đá dăm dày 5cm và cuối cùng là lớp vải địa kỹ thuật AR-15. Thiết kế tường chắn đất kết hợp đầm chân kê, đỉnh tường chắn đất ở cao trình $+1.5\text{m}$, kết cấu chân khay bằng bê tông mác 250, phía ngoài tường đổ đá hộc. Mái phía đồng, trồng cỏ chống xói lở.

- Dốc xuống đê tại cọc C15+8: Chiều rộng mặt dốc 3.0m, kết cấu mặt đê từ trên xuống bê tông mác 250 dày 20cm, cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 15cm.

- Sửa chữa cầu công tác: Phù hợp với mặt cắt đê sau khi mở rộng và không ảnh hưởng đến kết cấu chính của cầu công tác.

- Thiết kế tường ngăn giữa các ống xả trạm bơm Triết Giang: Các ống xả của trạm bơm Triết Giang được đặt trực tiếp trên mặt đê cũ, có 6 ống, chiều dài ống xả $L=5,5\text{m}$, đường kính ống $D=400\text{mm}$. Giữa các ống xả được xây tường ngăn bằng bê tông cốt thép, bê tông mác 250, mặt đê thiết kế các tấm nắp bê tông cốt thép dày 20cm.

- Thiết kế hoàn chỉnh nhà trạm bơm: Nhà quản lý trạm bơm cũ bằng tôn diện tích 18m^2 , nằm trên mặt đê cũ, nên khi mặt đê được tôn cao, mở rộng phải phá bỏ nhà quản lý trạm bơm cũ. Xây dựng hoàn trả nhà quản lý trạm bơm mới diện tích 18m^2 , kết cấu nhà mái tôn, cột sắt, vì kèo sắt, móng nhà bằng cột bê tông cốt thép, bê tông mác 250.

- Thiết kế điểm tránh xe trên đê tại cọc 14: Xung quanh điểm tránh xe được xây dựng tường chắn, phía trên mặt được thiết kế theo kết cấu mặt đê, xung quanh tường chắn được bố trí gờ chắn bánh theo mặt cắt ngang của tuyến đê.

6. Địa điểm xây dựng: xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn.

7. Phương án giải phóng mặt bằng: Theo các quy định hiện hành của pháp luật về GPMB.

8. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV

9. Tổng mức đầu tư phê duyệt: 5.311.708.034 đồng

(Bằng chữ: Năm tỷ ba trăm mười một triệu bảy trăm lẻ tám nghìn không trăm ba mươi tư đồng)

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	900.000.000	đồng
+ Chi phí xây dựng:	3.235.454.000	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	91.416.000	đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	472.047.316	đồng;
+ Chi phí khác:	219.330.718	đồng;
+ Chi phí dự phòng:	393.460.000	đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn Ngân sách tỉnh thực hiện các chi phí: Xây dựng, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng và chi khác.

- Chi phí Giải phóng mặt bằng từ nguồn Ngân sách thị xã.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 01 năm.

Điều 2. Giao ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn thực hiện quản lý dự án và tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã, Trưởng các phòng ban: Quản lý đô thị, Tài chính – kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

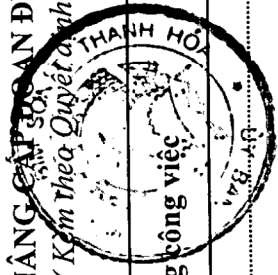
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: QLĐT, VT./.



Bùi Huy Hùng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG ĐÁ THẨM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH : CÁI TẠO, NÂNG CẤP BÀN ĐỀ TẢ SÔNG HOẠT, XÃ HÀ LAN, THỊ XÃ BÌM SƠN, TỈNH THANH HÓA
 (Kèm theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017)



TT	Nội dung công việc	Cách tính	Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
I	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	tạm tính	818,181,818	81,818,182	900,000,000
II	Chi phí xây dựng (Gxd):		2,941,320,893	294,132,089	3,235,454,000
1	Đê tả sông Hoạt đoạn xã Hà Lan		2,097,733,790	209,773,379	2,307,507,000
2	Dốc lên đê tại K19+814		15,346,124	1,534,612	16,881,000
3	Sửa chữa cầu công tác		10,924,345	1,092,435	12,017,000
4	Trụ ngăn trạm bơm		163,725,004	16,372,500	180,098,000
5	Xây lát kê đầu tuyến (Bổ sung thiết kế)		500,537,378	50,053,738	550,591,000
6	Nhà trạm bơm		153,054,252	15,305,425	168,360,000
III	Chi phí thiết bị (Gtb):				
II	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa):	$3.108\% \cdot (Gxd + Gtb) / 1,1$	91,416,000		91,416,000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		429,133,923	42,913,392	472,047,316
1	Khảo sát xây dựng, lập thiết kế giai đoạn bản vẽ thi công		176,071,818	17,607,182	193,679,000
2	Chi phí thiết kế giai đoạn bản vẽ thi công	$4.407\% \cdot (Gxd + Gtb)$	129,633,862	12,963,386	142,597,248
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	$0.1890\% \cdot Gxd$	5,559,096	555,910	6,115,006
4	Chi phí thẩm tra dự toán	$0.1830\% \cdot Gxd$	5,382,617	538,262	5,920,879
5	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công XD	$0.3610\% \cdot Gxd$	10,618,168	1,061,817	11,679,985
6	Giám sát thi công xây dựng công trình	$2.5980\% \cdot Gxd$	76,415,517	7,641,552	84,057,068
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	$4.072\% \cdot Gks$	7,169,644	716,964	7,886,609
8	Chi phí giám sát đánh giá dự án của chủ đầu tư	$20\% \cdot QLDA$	18,283,200	1,828,320	20,111,520
IV	Chi phí khác (Gk)		204,262,779	15,067,939	219,330,718
1	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (TT 210/2016/TT-BTC)	$0.0363\% \cdot Gxdtt$	1,067,699		1,067,699
2	Phí thẩm định dự toán	$0.0351\% \cdot Gxdtt$	1,032,404		1,032,404
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình (TT 329/2016/TT-BTC)	$1.040\% \cdot Gxd$	30,589,737	3,058,974	33,648,711
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0.950\% \cdot TMDT$	48,483,283		48,483,283
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	tạm tính	3,000,000		3,000,000
6	Chi phí hạng mục chung		114,375,800	11,437,580	125,813,380

C

C

	Chi phí xây dựng nhà tam tại hiện trường để ở và điều hành thi công		55,549,382	5,554,938	61,104,320
	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		58,826,418	5,882,642	64,709,060
7	Lệ phí tài nguyên môi trường	1500đ/m ³	5,713,856	571,386	6,285,241
V	Chi phí Dự phòng:				393,460,000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	5%*(I+II+...+V)			245,912,402
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	3*(I+II+...+VI)			147,547,441
	(Tổng cộng: I+...+V)	I+II+...+VII			5,311,708,034

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ



Trần Xuân Việt

